TÒA ÁN NHÂN DÂN	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
TỈNH AN GIANG	**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: **30**/2022/DS-PT	
Ngày 18 - 02 - 2022	
V/v tranh chấp "Hợp đồng vay tài sản"	

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thúy Hà.

Các Thẩm phán: Ông Trương Văn Hai

Ông Đào Chí Keo

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Vân là Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang: Ông Huỳnh Thanh Phước - Kiểm sát viên tham gia phiên toà.

Ngày 18 tháng 02 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 260/2020/TLPT-DS ngày 10 tháng 12 năm 2020 (Phục hồi thụ lý ngày 01 tháng 12 năm 2021) về việc tranh chấp "Hợp đồng vay tài sản".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 173/2020/DS-ST ngày 21 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 205/2021/QĐPT-DS ngày 02 tháng 12 năm 2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Nguyễn Thành T, sinh năm 1969 (Có mặt);

Nơi cư trú: số 379, tổ 19, ấp Hòa Long 2, thị trấn AC, huyện CT, tỉnh AG.

2. Bị đơn:

2.1 Ông Phạm Trí H, sinh năm 1964 (Có mặt);

2.2 Bà Cao Thị Bích Th, sinh năm 1969 (Có mặt);

Cùng cư trú: số 979, tổ 7, ấp MH, xã MHĐ, huyện CM, tỉnh AG.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1 Ông Phan Thanh G, sinh năm 1982 (Có mặt);

3.2 Bà Bùi Thị H, sinh năm 1981 (Có mặt);

Cùng cư trú: số 896, tổ 2, ấp MH, xã MHĐ, huyện CM, tỉnh AG.

4. Người kháng cáo: Ông Phạm Trí H và bà Cao Thị Bích Th là bị đơn trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn là ông Nguyễn Thành T trình bày:

Do quen biết nên vào ngày 16/9/2017, ông có cho vợ chồng ông Phạm Trí H và bà Cao Thị Bích Th vay số tiền 300.000.000đ có làm Biên nhận kiêm thỏa thuận vay vốn, khi vay thỏa thuận lãi suất 5%/tháng nhưng ông H không đóng lãi cho ông, mục đích vay mua đất. Nay ông yêu cầu ông H và bà Th trả cho ông số tiền 300.000.000đ và tính lãi theo quy định của pháp luật từ ngày 16/9/2017 cho đến ngày xét xử.

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông T cung cấp 03 Biên nhận kiêm thỏa thuận vay vốn (Bản photocopy) ghi ngày 25/02/2017, ngày 27/4/2017 và ngày 13/6/2017 nên đoạn băng ghi âm do ông H cung cấp hai bên trao đổi đối với số tiền 150.000.000đ là của 3 biên nhận này nhưng ông H đã trả cho ông xong nên ông đã trả bản chính Biên nhận lại cho ông H.

Bị đơn là ông Phạm Trí H trình bày:

Ông thừa nhận có vay của ông Nguyễn Thành T số tiền 300.000.000đ theo Biên nhận kiêm thỏa thuận vay vốn ngày 16/9/2017. Sau khi vay 02 ngày ông trả cho ông T vốn 300.000.000đ và trả lãi 6.000.000đ. Sau đó, ông có vay thêm của ông T số tiền 150.000.000đ và đã trả 50.000.000đ vốn và 03 tháng tiền lãi (mỗi tháng đóng 21.000.000đ), việc trả vốn và lãi không làm giấy tờ nên không cung cấp được chứng cứ chứng minh. Hiện nay, ông còn nợ vốn của ông T 100.000.000đ, việc ông T khởi kiện yêu cầu ông trả số tiền 300.000.000đ, ông không đồng ý.

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông T cung cấp 03 Biên nhận kiêm thỏa thuận vay vốn, ông có ký tên nhưng khi ký tên chưa ghi nội dung và thực tế ông không vay tiền của ông T. Ông yêu cầu Tòa án xem xét đoạn băng ghi âm do ông T và ông H, bà Th và chị Phạm Cao Hoàng Oanh (con ông H) trao đổi với nhau về số tiền 150.000.000đ ông còn nợ ông T. Ông đồng ý trả cho ông T số tiền 150.000.000đ.

Bà Cao Thị Bích Th trình bày: Việc vay mượn tiền của chồng bà là ông Phạm Trí H với ông Nguyễn Thành T như thế nào thì bà không biết. Nay ông T yêu cầu bà trả nợ, bà không đồng ý trả vì tiền này là của ông H vay mượn với ông T mà bà không biết. Tại phiên tòa phúc thẩm, bà đồng ý cùng chịu trách nhiệm liên đới với ông H trả cho ông T số tiền 150.000.000đ.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Ông Phan Thanh G và bà Bùi Thị H trình bày: Vào năm 2019 ông bà có sang nhượng đất của ông H, bà Th với giá 220.000.000đ có làm hợp đồng chuyển nhượng tại Văn phòng công chứng, sau đó ông bà làm thủ tục tại văn phòng một cửa thì hẹn đến ngày để lấy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Khi đến hẹn cơ quan một cửa không giao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, ông

bà có nhận thông báo số 65 ngày 11/8/2020 nhưng ông bà trình bày không liên quan đến tranh chấp vay giữa ông T và ông H, bà Th. Ông bà yêu cầu Tòa án sớm đưa vụ án tranh chấp giữa ông T và ông H, bà Th ra xét xử để ông tiếp tục thực hiện hợp đồng chuyển nhượng giữa ông và ông H, bà Th.

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông G và bà H cho rằng có nhận chuyển nhượng đất của ông H, bà Th và giao số tiền 220.000.000đ tại Ngân hàng Agribank chi nhánh Chợ Mới (do ông G học vấn thấp nên nhờ anh ruột là Phan Văn Khoa giao tiền dùm) để nhận lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đi ký kết Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất. Ông bà yêu cầu xem xét đối với Quyết định số 37/2019/QĐ-BPKCTT ngày 04/3/2019 về việc phong tỏa tài sản của ông H, bà Th về phần đất diện tích 106,5m^2, tờ bản đồ số 14, mục đích sử dụng đất ở nông thôn, tọa lạc tại xã Mỹ Hội Đông, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 173/2020/DS-ST ngày 21 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang đã tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Thành T.

2. Buộc ông Phạm Trí H và bà Cao Thị Bích Th có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Nguyễn Thành T tổng số tiền vốn và lãi 368.283.000đ (trong đó nợ gốc 300.000.000đ và tiền lãi 68.283.000đ).

3. Tiếp tục duy trì Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 37/2019/QĐ-BPKCTT ngày 04/3/2019 của Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang về việc phong tỏa tài sản của ông Phạm Trí H, bà Cao Thị Bích Th là Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số H1195qB, thửa số 166, tờ bản đồ số 14, diện tích 106,5m^2, mục đích sử dụng: loại đất ở nông thôn, tọa lạc tại xã Mỹ Hội Đông, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang do Ủy ban nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang cấp cho ông Phạm Trí H, bà Cao Thị Bích Th ngày 05/9/2008 để đảm bảo cho việc thi hành án.

4. Hủy bỏ Quyết định số 36/2019/QĐ-BPBĐ ngày 04/3/2019 về việc buộc thực hiện biện pháp bảo đảm. Ông Nguyễn Thành T được nhận lại số tiền 10.000.000đ (mười triệu đồng) theo tài khoản phong tỏa số 6711205008633 tại Ngân hàng Agribank - Chi nhánh Chợ Mới, tỉnh An Giang.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Phạm Trí H, bà Cao Thị Bích Th liên đới phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 18.414.150đ.

6. Hoàn lại cho ông Nguyễn Thành T số tiền tạm ứng án phí 7.500.000đ, theo Biên lai thu số 0019863 ngày 04/7/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Chợ Mới.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên quyền kháng cáo và thi hành án.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 23 tháng 9 năm 2020 ông Phạm Trí H và bà Cao Thị Bích Th nộp Đơn kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm giải quyết: Hủy Bản án dân sự sơ thẩm, vợ chồng ông được bổ sung phí giám định đoạn ghi âm để chứng thực đoạn ghi âm trở thành chứng cứ hợp pháp theo quy định của pháp

luật. Yêu cầu được trích xuất nội dung các cuộc điện thoại, tin nhắn từ số máy của ông T và ông H để chứng minh số tiền ông T khởi kiện là sai sự thật.

Các đương sự khác trong vụ án không kháng cáo và Viện kiểm sát không kháng nghị.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang tham gia phiên tòa và phát biểu ý kiến: Tại giai đoạn phúc thẩm những người tiến hành tố tụng và tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự và tuân thủ đúng pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định về phiên tòa phúc thẩm, đảm bảo đúng nguyên tắc xét xử, thành phần HĐXX, thư ký phiên tòa và thủ tục phiên tòa theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 phúc xử: Chấp nhận một phần kháng cáo của ông Phạm Trí H và bà Cao Thị Bích Th; Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 173/2019/DS-ST ngày 21/9/2020 của Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới.

Buộc ông H và bà Th có nghĩa vụ liên đới trả cho ông T tổng số vốn và lãi 184.736.000đ, trong đó nợ gốc 150.000.000đ, tiền lãi 34.736.000đ.

Ông H, bà Th phải chịu số tiền 9.236.800đ án phí dân sự sơ thẩm; ông H, bà Th không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm; ông T phải chịu 9.236.800đ phí dân sự sơ thẩm và chi phí giám định 9.989.000đ;

Các phần còn lại của án dân sự sơ thẩm giữa nguyên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Ông Phạm Trí H và bà Cao Thị Bích Th kháng cáo trong thời hạn luật định nên đủ cơ sở pháp lý để xem xét yêu cầu kháng cáo của ông bà theo trình tự phúc thẩm.

Ông Phạm Trí H và bà Cao Thị Bích Th đều có Đơn kháng cáo nên căn cứ vào Điều 276 của Bộ luật tố tụng năm 2015 thì ông H và bà Th mỗi người phải nộp 300.000đ tiền tạm ứng án phí phúc thẩm nhưng cấp sơ thẩm ra Thông báo cho ông H và bà Th nộp 300.000đ là chưa chính xác, đề nghị cấp sơ thẩm nghiêm khắc rút kinh nghiệm.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn là ông Nguyễn Thành T giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn là ông Phạm Trí H và bà Cao Thị Bích Th giữ nguyên yêu cầu kháng cáo đề nghị cấp phúc thẩm giải quyết: Hủy Bản án dân sự sơ thẩm, ông bà được bổ sung phí giám định đoạn ghi âm để chứng thực đoạn ghi âm trở thành chứng cứ hợp pháp theo quy định của pháp luật. Yêu cầu được trích xuất nội dung các cuộc điện thoại, tin nhắn từ số máy của ông T và ông H để chứng minh số tiền ông T khởi kiện là sai sự thật.

[3] Về kháng cáo của ông H và bà Th, xét thấy vào ngày 16/9/2017 ông H và bà Th có ký Biên nhận kiêm thỏa thuận vay vốn để vay của ông T số tiền 300.000.000đ, biên nhận không ghi lãi suất và thời hạn trả nợ. Ông T yêu cầu ông H, bà Th trả cho ông số tiền gốc 300.000.000đ và lãi suất theo quy định của

pháp luật. Ông H và bà Th thừa nhận có vay của ông T số tiền 300.000.000đ vào ngày 16/9/2017 để đáo hạn Ngân hàng. Sau khi vay 02 ngày ông H, bà Th đã trả cho ông T nợ gốc 300.000.000đ và trả lãi 6.000.000đ. Tháng 02/2018, ông H có vay thêm của ông T số tiền 150.000.000đ và đã trả nợ gốc 50.000.000đ cùng 03 tháng tiền lãi mỗi tháng 21.000.000đ, hiện nay ông H còn nợ ông T số tiền gốc 100.000.000đ, khi trả vốn và lãi ông T không ký nhận nên ông H, bà Th không cung cấp được chứng cứ chứng minh. Lời trình bày của ông H và bà Th không được ông T thừa nhận.

Quá trình giải quyết vụ án ông H, bà Th có xuất trình đoạn băng ghi âm và yêu cầu được giám định tiếng nói trong đoạn băng ghi âm. Tại Kết luận giám định số 45/KLGT-PC09 (KTSĐT) ngày 22/4/2001 và Phụ lục của Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh An Giang có nội dung: "Cái 300 triệu đáo hạn là ba đã trả cho chú T rồi, chú T gấp công chuyện, ba cũng gấp công chuyện rồi hổng ai xé giấy, không ai lấy giấy gì hết, làm ăn uy tín với nhau"; "Ở đây cũng đâu ai nói ngược với ông đâu"; "Bây giờ ổng còn thiếu số vốn tui không là 150 triệu"; "bây giờ anh cố gắng làm sao là 01 tháng anh trả cho tui 50 triệu, là 3 tháng đặng cho xong là tui không còn lấy lời, lấy lãi gì nữa hết". Tại Kết luận giám định số 4479/C09B ngày 29/11/2021 của Phân viện khoa học hình sự tại Thành phố Hồ Chí Minh – Bộ công an đã kết luận: Tiếng nói của người nam được gọi là "anh", "anh T", "chú T" trong file âm thanh mẫu cần giám định và tiếng nói của ông Nguyễn Thành T trong mẫu so sánh là của cùng một người nói ra. Như vậy, có cơ sở xác định số tiền 300.000.000đ ông H và bà Th vay của ông T theo Biên nhận kiêm thỏa thuận vay vốn ngày 16/9/2017 đã được ông H, bà Th trả cho ông T. Hiện nay, ông H còn nợ ông T số tiền 150.000.000đ vay vào tháng 02/2018 như ông H trình bày. Do đó, cần chấp nhận kháng cáo của ông H và bà Th, buộc ông H, bà Th cùng có nghĩa vụ liên đới trả cho ông T số tiền gốc 150.000.000đ.

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông T xuất trình 03 Biên nhận kiêm thỏa thuận vay vốn ngày 25/01/2017, ngày 27/4/2017, ngày 13/6/2017 (bản photocopy) với số tiền 210.000.000đ và cho rằng đoạn băng ghi âm ông H cung cấp do hai bên trao đổi về số tiền 150.000.000đ của 3 biên nhận này là không có cơ sở nên không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về lãi suất, ông T cho rằng ông H và bà Th chưa trả lãi, còn ông H cho rằng đã trả lãi cho ông T 3 tháng mỗi tháng 21.000.000đ nhưng ông T không thừa nhận và ông H không cung cấp được chứng cứ chứng minh nên không có cơ sở để điều chỉnh lại lãi suất. Hợp đồng vay giữa ông T, ông H và bà Th không thỏa thuận thời hạn thanh toán và vay có lãi theo quy định tại khoản 2 Điều 469 Bộ luật dân sự năm 2015. Cấp sơ thẩm tính lãi suất từ ngày 28/5/2018 ông T khởi kiện tại Tòa án đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 21/9/2020) là 02 năm 03 tháng 24 ngày với mức lãi suất 10%/năm là phù hợp với các quy định của pháp luật, ông T không kháng cáo về lãi suất nên Hội đồng xét xử không xem xét. Như vậy, ông H và bà Th phải trả lãi cho ông T với số tiền (150.000.000đ x 10%/năm x 02 năm 03 tháng 24 ngày) 34.736.000đ.

Như vậy, ông H và bà Th phải có nghĩa vụ liên đới trả cho ông T số tiền (Vốn 150.000.000đ và lãi là 34.736.000đ) 184.736.000đ.

[4] Đối với Quyết định số 37/2019/QĐ-BPKCTT ngày 04/3/2019 về việc phong tỏa tài sản của ông H, bà Th đối với phần đất diện tích 106,5m^2, tờ bản đồ số 14, thửa đất số 166, mục đích sử dụng đất ở nông thôn, tọa lạc tại xã Mỹ Hội Đông, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang đã được Ủy ban nhân dân huyện Chợ Mới cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H1195qB ngày 05/9/2008 cho ông H và bà Th để đảm bảo cho việc thi hành án. Sau khi xét xử sơ thẩm, các đương sự không kháng cáo nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông G và bà H cho rằng ông bà nhận chuyển nhượng phần đất trên của ông H, bà Th và giao số tiền 220.000.000đ tại Ngân hàng Agribank chi nhánh Chợ Mới (do ông Phan Văn Khoa là anh ruột của ông G giao tiền dùm) để nhận lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đi ký kết Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất. Quá trình giải quyết vụ án, ông G và bà H không có yêu cầu độc lập nên cấp sơ thẩm không xem xét, nếu sau này giữa ông H, bà Th và ông G, bà H có tranh chấp về Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất sẽ được Tòa án thụ lý, giải quyết bằng vụ án khác.

[5] Về chi phí tố tụng: ông H và bà Th đã nộp 9.011.000đ tiền tạm ứng chi phí giám định. Yêu cầu kháng cáo của ông H và bà Th được chấp nhận nên ông T phải trả lại cho ông H và bà Th số tiền 9.011.000đ.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông T phải nộp 9.177.000đ án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu khởi kiện không được chấp nhận. Án phí được khấu trừ vào 7.500.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số 0019863 ngày 04/7/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Mới nên ông T còn phải nộp thêm 1.677.000đ.

Ông H và bà Th phải nộp 9.236.800đ án phí dân sự sơ thẩm.

[7] Về án phí dân sự phúc thẩm: Yêu cầu kháng cáo của ông H, bà Th được chấp nhận nên ông bà không phải nộp án phí dân sự phúc thẩm, ông bà được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Các phần khác của bản án các đương sự không có kháng cáo và Viện kiểm sát không kháng nghị nên được giữ nguyên.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông H và bà Th. Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 173/2020/DS-ST ngày 21 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới như đã nhận định trên và đề xuất của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang tại phiên tòa.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ:

- Khoản 2 Điều 308, Điều 315 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Điều 463, Điều 468, Điều 469 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

2. Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Phạm Trí H và bà Cao Thị Bích Th. Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số: 173/2020/DS-ST ngày 21 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang.

3. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Thành T. Buộc ông Phạm Trí H và bà Cao Thị Bích Th cùng có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Nguyễn Thành T số tiền (nợ gốc 150.000.000đ và lãi là 34.736.000đ*)* 184.736.000đ (Một trăm tám mươi bốn triệu bảy trăm ba mươi sáu nghìn đồng).

4. Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Thành T yêu cầu ông Phạm Trí H và bà Cao Thị Bích Th cùng có nghĩa vụ liên đới trả số tiền (nợ gốc 150.000.000đ và lãi là 33.547.000đ*)* 183.547.000đ (một trăm tám mươi ba triệu năm trăm bốn mươi bảy nghìn đồng).

5. Tiếp tục duy trì Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 37/2019/QĐ-BPKCTT ngày 04/3/2019 của Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang về việc phong tỏa tài sản của ông Phạm Trí H và bà Cao Thị Bích Th đối với phần đất diện tích 106,5m^2, thửa đất số 166, tờ bản đồ số 14, mục đích sử dụng đất ở nông thôn, tọa lạc tại xã Mỹ Hội Đông, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H1195qB ngày 05/9/2008 cấp cho ông Phạm Trí H và bà Cao Thị Bích Th để đảm bảo cho việc thi hành án.

6. Hủy Quyết định số 36/2019/QĐ-BPBĐ ngày 04/3/2019 về việc buộc thực hiện biện pháp bảo đảm. Ông Nguyễn Thành T được nhận lại số tiền 10.000.000đ (Mười triệu đồng) theo tài khoản phong tỏa số 6711205008633 tại Ngân hàng Agribank - Chi nhánh Chợ Mới, tỉnh An Giang.

7. Về chi phí tố tụng: Ông Nguyễn Thành T phải trả lại cho ông Phạm Trí H và bà Cao Thị Bích Th số tiền 9.011.000đ (Chín triệu không trăm mười một nghìn đồng).

8. Về án phí dân sự sơ thẩm:

8.1 Ông Nguyễn Thành T phải nộp 9.177.000đ án phí dân sự sơ thẩm. Án phí được khấu trừ vào 7.500.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số 0019863 ngày 04/7/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Mới nên ông T còn phải nộp thêm 1.677.000đ (Một triệu sáu trăm bảy mươi bảy nghìn đồng).

8.2 Ông Phạm Trí H và bà Cao Thị Bích Th phải nộp 9.236.800đ (Chín triệu hai trăm ba mươi sáu nghìn tám trăm đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

9. Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Phạm Trí H và bà Cao Thị Bích Th không phải nộp án phí dân sự phúc thẩm nên ông H và bà Th được nhận lại 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số 0019863 ngày 04/7/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Mới.

Kể từ ngày bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên phải thi hành án chưa thi hành đầy đủ khoản tiền nêu trên thì còn phải chịu lãi phát sinh do chậm thực hiện nghĩa vụ theo lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND tỉnh An Giang;
- Chi cục THADS H.Chợ Mới;
- TAND H.Chợ Mới;
- Tòa Dân sự;
- Phòng KTNV và THA;
- Văn phòng;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Thúy Hà

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Trương Văn Hai

Đào Chí Keo

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Thúy Hà